

HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA GIAI ĐOẠN 2018 - 2025: THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG

VIETNAM - THE RUSSIAN FEDERATION ECONOMIC COOPERATION (2018 - 2025): ACHIEVEMENTS AND PROSPECTS

Nguyễn Võ Huyền Dung*, Nguyễn Minh Xuân Thảo

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nvhdung@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 26/3/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5B).273

Tóm tắt - Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động sâu sắc, cạnh tranh chiến lược gia tăng và xu hướng chuyển dịch kinh tế toàn cầu mạnh mẽ, hợp tác kinh tế quốc tế trở thành nhân tố then chốt bảo đảm tăng trưởng và ổn định của các quốc gia. Hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga giai đoạn 2018 - 2025 mang tính đặc thù khi vừa ghi nhận bước tiến tích cực, vừa chịu tác động từ xung đột địa chính trị, trừng phạt quốc tế và gián đoạn chuỗi cung ứng, đặt ra yêu cầu phải đánh giá lại thực trạng và định hướng hợp tác. Nghiên cứu nhằm phân tích thành tựu, hạn chế và triển vọng hợp tác kinh tế Việt - Nga, nhất là cơ hội mở rộng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, kinh tế số và công nghệ cao. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu, thống kê, so sánh và nghiên cứu chính sách nhằm rút ra nhận định và giải pháp, đóng góp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển hợp tác kinh tế Việt - Nga giai đoạn mới.

Từ khóa - Hợp tác kinh tế; Việt Nam; Liên Bang Nga; thành tựu; triển vọng

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động sâu sắc, cạnh tranh chiến lược gia tăng và các chuỗi cung ứng, dòng vốn, thanh toán quốc tế liên tục bị tái cấu trúc, hợp tác kinh tế song phương trở thành một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm tăng trưởng và ổn định cho mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam và Liên bang Nga, quan hệ kinh tế không chỉ được kế thừa từ nền tảng hữu nghị truyền thống và tin cậy chiến lược hình thành từ thời Liên Xô, mà còn được đặt trong khuôn khổ Đối tác chiến lược toàn diện với nhiều cơ chế hợp tác chuyên ngành, trong đó có FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (VN - EAEU FTA) và các hiệp định năng lượng, đầu tư, khoa học - công nghệ.

Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có trong và ngoài nước về quan hệ kinh tế Việt - Nga vẫn còn một số hạn chế. Nhiều công trình tập trung vào giai đoạn Chiến tranh Lạnh, khía cạnh lịch sử - chính trị hoặc chủ yếu nhấn mạnh vai trò hợp tác dầu khí (điển hình như các nghiên cứu về Vietsovpetro, Rusvietpetro) và một phần thương mại trong khuôn khổ VN - EAEU FTA, nhưng chưa xem xét hệ thống giai đoạn 2018 - 2025 với những đặc điểm mới như: tác động của xung đột Nga - Ukraine, các gói trừng phạt, gián đoạn thanh toán - logistics, chính sách “Hướng Đông” của Nga và xu hướng

Abstract - In the context of profound global economic changes, intensifying strategic competition, and strong shifts in the global economic structure, international economic cooperation has become a key factor in ensuring national growth and stability. Vietnam - The Russian Federation economic cooperation during 2018 - 2025 is distinctive for showing positive progress while also being affected by geopolitical conflicts, international sanctions, and global supply chain disruptions, necessitating a reassessment of its current conditions and future direction. This study analyzes the achievements, limitations, and prospects of Vietnam - Russia economic cooperation, with particular attention to opportunities in renewable energy, the digital economy, and high - technology sectors. The research employs document analysis, statistical and comparative methods, and policy analysis to draw conclusions and propose solutions, providing a scientific basis for policymaking in the next phase of bilateral economic cooperation.

Key words - Economic cooperation; Vietnam; the Russian Federation; achievements; prospects

chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, kinh tế số, công nghệ cao. Khoảng trống thể hiện ở chỗ ít có nghiên cứu vừa lượng hóa được diễn biến thương mại - đầu tư, vừa phân tích sâu động lực chính trị, thể chế và các lĩnh vực hợp tác mới trong một giai đoạn ngắn nhưng biến động mạnh.

Nghiên cứu vận dụng khung lý thuyết tích hợp gồm ba cách tiếp cận. Thứ nhất, lý thuyết lợi thế so sánh giúp lý giải cấu trúc thương mại bổ sung giữa hai nền kinh tế: Liên bang Nga có ưu thế về tài nguyên, năng lượng và công nghiệp nặng, trong khi Việt Nam nổi bật ở lao động, công nghiệp chế biến và nông sản. Tuy nhiên, dưới góc nhìn lý thuyết phụ thuộc, cấu trúc này cũng hàm chứa rủi ro khi Việt Nam phụ thuộc vào nguồn đầu vào chiến lược từ Nga. Thứ hai, cách tiếp cận thể chế được sử dụng để phân tích vai trò của các khuôn khổ hợp tác như VN - EAEU FTA, các hiệp định đầu tư và cơ chế thanh toán song phương trong việc giảm chi phí giao dịch và duy trì dòng chảy kinh tế trong bối cảnh biến động. Thứ ba, cách tiếp cận địa kinh tế giúp lý giải tác động của các yếu tố địa chính trị, đặc biệt sau năm 2022, khi trừng phạt quốc tế và chiến lược “Hướng Đông” của Nga thúc đẩy điều chỉnh về thị trường, logistics và thanh toán. Qua đó, hợp tác Việt - Nga được nhìn nhận không chỉ từ góc độ kinh tế mà còn gắn với tính toán chiến lược.

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Nguyen Vo Huyen Dung, Nguyen Minh Xuan Thao)

Xuất phát từ đó, bài viết đáp ứng đồng thời hai yêu cầu: (i) cập nhật và hệ thống hóa bức tranh hợp tác kinh tế song phương trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế toàn cầu thay đổi nhanh; (ii) làm rõ những không gian hợp tác mới trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hiện đại, trên nền tảng các trụ cột truyền thống như dầu khí, thương mại hàng hóa. Nghiên cứu hướng tới đánh giá một cách toàn diện thành tựu, hạn chế, các nhân tố thúc đẩy - cản trở, từ đó dự báo triển vọng và đề xuất gợi ý chính sách cho giai đoạn sau năm 2025, phù hợp với định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Việt Nam và chiến lược “Hướng Đông” của Nga.

Để đạt được mục tiêu này, bài viết vận dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu: (1) phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp; (2) thống kê kinh tế nhằm phân tích xu hướng và cấu trúc thương mại - đầu tư song phương giai đoạn 2018 - 2025; (3) so sánh chính sách để nhận diện sự tương thích và khác biệt trong định hướng phát triển kinh tế đối ngoại của hai nước; (4) phân tích chính sách kết hợp tiếp cận lịch sử - thể chế nhằm lý giải vai trò của các khuôn khổ như Đối tác chiến lược toàn diện, VN - EAEU FTA, cùng các thỏa thuận chuyên ngành trong việc định hình không gian hợp tác kinh tế hiện nay và tương lai. Qua đó, nghiên cứu kỳ vọng đóng góp thêm cơ sở khoa học cho việc hoạch định và điều chỉnh chính sách hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga trong giai đoạn tới.

2. Khái quát quan hệ Việt Nam - Liên Bang Nga

Quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga ngày nay là sự tiếp nối và kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Việt - Xô trước đây. Quan hệ Việt Nam - Liên Xô bắt nguồn trên cơ sở mối quan hệ giữa các cá nhân lãnh tụ hai nước, đặc biệt là mối quan hệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà lãnh đạo Liên Xô [1]. Sau đó, hai quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao vào 30/01/1950 [2]. Đặc biệt từ những năm 1960, Liên Xô đã điều chỉnh quan hệ với Việt Nam theo hướng tăng cường viện trợ và công khai ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam [3]. Sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước của Việt Nam, đồng thời nuôi dưỡng tình hữu nghị thuần khiết, chân thành và mối quan hệ bền chặt giữa nhân dân hai nước. Sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trải qua giai đoạn suy giảm tạm thời nhưng nhanh chóng được củng cố rõ nét từ năm 1994 khi Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga được ký kết [1]. Từ năm 2001, sau chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống Nga Vladimir Putin tới Việt Nam và việc ban hành Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác Chiến lược, hợp tác song phương ngày càng được tăng cường và mở rộng [2]. Năm 2012, mối quan hệ được nâng lên tầm Đối tác chiến lược toàn diện, đánh dấu một giai đoạn hợp tác sâu rộng hơn trên mọi lĩnh vực, bao gồm chính trị, quốc phòng, kinh tế, văn hóa và khoa học công nghệ [1].

Sự phát triển trong quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia trong 75 năm qua căn bản dựa trên những cơ sở nhận thức chung cốt lõi sau:

- *Nhu cầu hợp tác để phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước*: Việt Nam và Liên bang Nga cùng chung mục tiêu tăng cường ổn định khu vực và thế giới, ưu tiên phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội trong nước, tham gia các hoạt động của các tổ chức kinh tế - chính trị khu vực và quốc tế. Hợp tác kinh tế là động lực thúc đẩy hợp tác trong chính trị, văn hóa, giáo dục và đào tạo, và ngược lại, hợp tác trong các lĩnh vực này sẽ tạo đà cho hợp tác phát triển kinh tế ngày càng sâu rộng.

- *Sự tương đồng về lập trường trong các vấn đề quốc tế và khu vực*: là nền tảng thúc đẩy hợp tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Liên bang Nga. Mức độ tin cậy và hiểu biết lẫn nhau giữa lãnh đạo hai nước tạo động lực tăng cường phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn đa phương như Liên Hợp Quốc, APEC, ASEAN, hướng tới mục tiêu hòa bình, ổn định, và phát triển bền vững. Quan hệ song phương còn được củng cố bởi truyền thống hữu nghị lâu đời và nền tảng hợp tác đa phương giàu kinh nghiệm tạo tiềm năng phát triển vững chắc.

- *Các hiệp ước quốc tế được ký kết trong khuôn khổ song phương và đa phương*: Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện được thiết lập trên cơ sở pháp lý vững chắc giúp quan hệ hai nước tiếp tục phát triển theo các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

3. Khái quát lịch sử hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên Bang Nga trước năm 2018

Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Liên bang Nga được kế thừa trực tiếp từ nền tảng hợp tác với Liên Xô, bắt đầu từ năm 1950. Ngày 18/7/1955, hai nước ký Tuyên bố chung Việt Nam - Liên Xô và Hiệp định Thương mại Việt - Xô, theo đó Liên Xô đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 400 triệu rúp để khôi phục kinh tế [4]. Trong giai đoạn 1955 - 1975, tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế từ Liên Xô vào Việt Nam, chủ yếu thông qua viện trợ và cho vay là 2.176.051.000 rúp [5]. Tính đến cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, Việt Nam và Liên Xô đã ký kết hơn 10 Hiệp định, Công ước, Nghị định thư về hợp tác và buôn bán giữa hai nước và Liên Xô thường chiếm khoảng 40% xuất khẩu và 60% nhập khẩu của Việt Nam [4]. Tính lũy kế đến năm 1991, Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam hơn 10 tỷ rúp để đầu tư vào một số lĩnh vực kinh tế cơ bản như năng lượng, khai khoáng, luyện kim và cơ khí [6]. Từ khi ký Hiệp định về các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ hữu nghị năm 1994, quan hệ kinh tế giai đoạn này tiếp tục ghi nhận sự đóng góp của một chủ thể, hình thức hoạt động mới, đó là các doanh nghiệp tư nhân của người Việt Nam tại Liên Bang Nga. Những nỗ lực của Việt Nam và Liên Bang Nga nhằm đưa quan hệ kinh tế - thương mại thoát khỏi tình trạng trì trệ đã mang lại một số kết quả bước đầu.

Kể từ đầu thế kỷ XXI, quan hệ được nâng lên tầm Đối tác chiến lược (2001) và Đối tác chiến lược toàn diện (2012), tạo khung pháp lý - chính trị để hợp tác kinh tế phát triển ổn định hơn, với kim ngạch thương mại tăng từ khoảng 571 triệu USD năm 2001 lên 3,552 tỷ USD năm 2017, trong đó Việt Nam duy trì xuất siêu từ sau năm 2011

và trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Nga trong ASEAN [7]. Về đầu tư, Nga từng nằm trong nhóm nhà đầu tư có tỷ trọng vốn lớn tại Việt Nam giai đoạn 2000 - 2006, với các dự án chủ yếu trong lĩnh vực khai khoáng, công nghiệp, dịch vụ lưu trú và bất động sản; đến năm 2017 Nga có trên 100 dự án với gần 1 tỷ USD vốn đăng ký tại Việt Nam [8]. Ngược lại, Việt Nam trở thành một trong những nhà đầu tư lớn tại Nga, với tổng vốn khoảng 2,8 tỷ USD đến cuối 2017, tập trung vào dầu khí (Rusvietpetro), nông nghiệp, chế biến thực phẩm và các trung tâm thương mại như Tổ hợp Hà Nội - Moscow [8]. Dầu khí là trụ cột nổi bật với hai liên doanh Vietsovpetro (1981) tại Việt Nam và Rusvietpetro (2008) tại Nga, mang lại doanh thu hàng chục tỷ USD và đóng góp quan trọng cho an ninh năng lượng Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò hợp tác chiến lược giữa hai nước.

Nhìn chung, quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên Bang Nga trước năm 2018 mang một số đặc điểm sau:

(1) Có tính kế thừa lịch sử, chuyển từ mô hình viện trợ sang hợp tác bình đẳng theo cơ chế thị trường.

(2) Cơ cấu kinh tế bổ sung cho nhau: Việt Nam xuất khẩu hàng tiêu dùng và nông - thủy sản, Nga cung cấp năng lượng, nguyên liệu và thiết bị.

(3) Quan hệ chịu tác động bởi chênh lệch về quy mô và trình độ phát triển giữa hai nước.

(4) Quy mô hợp tác chưa tương xứng tiềm năng và vẫn thấp hơn so với quan hệ của Việt Nam với các đối tác lớn khác do khác biệt thể chế và ưu tiên chiến lược.

(5) Hợp tác chịu ảnh hưởng mạnh của bối cảnh địa chính trị và hội nhập quốc tế, đặc biệt sau VN - EAEU FTA, tạo nền tảng cho giai đoạn hợp tác sâu rộng hơn sau năm 2018.

4. Thực tiễn hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên Bang Nga giai đoạn 2018 - 2025

4.1. Hợp tác thương mại song phương

Thương mại Việt Nam - Liên Bang Nga là sự kết hợp giữa bổ sung lợi thế và phụ thuộc cấu trúc, trong đó khả năng thích ứng thể chế đóng vai trò quyết định trong bối cảnh biến động địa chính trị.

Bảng 1. Kim ngạch thương mại Việt Nam - Liên Bang Nga giai đoạn 2018 - 2025 (Đơn vị: tỷ USD)

Năm	Việt Nam xuất khẩu sang Nga	Nga xuất khẩu sang Việt Nam	Tổng kim ngạch	Cán cân thương mại
2018	2,45	2,12	4,57	0,32
2019	2,67	1,83	4,49	0,84
2020	2,85	2,00	4,85	0,85
2021	3,20	2,34	5,54	0,87
2022	1,56	1,99	3,55	- 0,44
2023	1,74	1,89	3,63	- 0,14
2024	2,34	2,25	4,58	0,09
2025	2,26	2,51	4,77	- 0,25

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [9], [10].

Về kim ngạch, giai đoạn 2018 - 2025 chứng kiến xu hướng tăng trưởng rõ rệt.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Bang Nga đạt đỉnh 3,20 tỷ USD vào năm 2021; nhập khẩu từ Nga duy trì mức trên 1,83 tỷ USD. Đây là minh chứng rõ ràng cho nhu cầu thị trường ổn định từ hai phía và hiệu quả thực thi VN -

EAEU FTA, giúp hàng nghìn dòng thuế được cắt giảm và mở rộng thị phần cho hàng hóa Việt Nam. Từ năm 2022, do tác động của xung đột Nga - Ukraine và các lệnh trừng phạt kinh tế của phương Tây, kim ngạch thương mại giảm mạnh (xuất khẩu của Việt Nam xuống còn khoảng 1,56 tỷ USD; nhập khẩu khoảng 1,74 tỷ USD), phản ánh rủi ro phụ thuộc vào hệ thống tài chính quốc tế và một số nguồn cung chiến lược. Từ 2023 - 2025, thương mại dần phục hồi (xuất khẩu đạt khoảng 2,34 tỷ USD năm 2024; nhập khẩu khoảng 2,25 tỷ USD) nhờ các điều chỉnh mang tính địa kinh tế và thể chế như chuyên hướng logistics qua Trung Á và Viễn Đông, sử dụng các cơ chế thanh toán thay thế đồng USD.

Về cơ cấu hàng hóa, tính bổ sung lẫn nhau tiếp tục được duy trì và mở rộng.

Ở chiều Liên Bang Nga xuất khẩu sang Việt Nam, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn là than các loại (5,28 tỷ USD), sắt thép (1,43 tỷ USD), phân bón (1,39 tỷ USD), lúa mì (hơn 1,31 tỷ USD). Cơ cấu này cho thấy Việt Nam tiếp tục phụ thuộc ở mức nhất định vào nguồn cung năng lượng, nguyên liệu và đầu vào sản xuất từ Nga, song phản ánh sự ổn định của vai trò Nga như một đối tác cung cấp đầu vào chiến lược cho công nghiệp và nông nghiệp Việt Nam.

Bảng 2. Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất từ Liên Bang Nga sang Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 (Đơn vị: USD)

Mặt hàng	Tổng giá trị toàn giai đoạn
Than các loại	5.288.344.710
Sắt thép các loại	1.426.548.384
Phân bón các loại	1.396.493.105
Lúa mì	1.315.616.894
Hàng thủy sản	894.349.605
Chất dẻo nguyên liệu	556.904.102
Hóa chất	460.730.504
Kim loại thường khác	415.491.856
Quặng và khoáng sản khác	411.577.528
Ô tô nguyên chiếc các loại	408.120.362

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [10]

Ở chiều ngược lại, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Nga có sự nâng cấp rõ rệt. Điện thoại và linh kiện dẫn đầu (4,44 tỷ USD), tiếp theo là dệt may (2,99 tỷ USD), cà phê (1,93 tỷ USD), máy vi tính và linh kiện (1,58 tỷ USD). Điều này phản ánh xu hướng dịch chuyển từ xuất khẩu nông sản truyền thống sang hàng công nghệ và sản phẩm giá trị gia tăng cao.

Bảng 3. Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất từ Việt Nam sang Liên Bang Nga giai đoạn 2018 - 2025 (Đơn vị: USD)

Mặt hàng	Tổng giá trị toàn giai đoạn
Điện thoại các loại & linh kiện	4.440.077.893
Hàng dệt, may	2.994.429.508
Cà phê	1.928.097.749
Máy vi tính, SP điện tử & linh kiện	1.580.756.306
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	1.247.598.758
Hàng thủy sản	1.235.519.226
Giày dép các loại	700.761.035
Hàng rau quả	445.190.791
Hạt điều	434.138.447
Cao su	227.828.261

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [10]

Về phương thức thanh toán, đây là một điểm đáng chú ý trong dòng chảy thương mại song phương khi có sự chủ động thích ứng trước các biến động toàn cầu, nhất là kể từ năm 2022. Trong bối cảnh Liên Bang Nga bị loại khỏi Hệ thống Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT) và chịu trừng phạt quốc tế, các biện pháp thanh toán thay thế đã được thúc đẩy nhằm giảm rủi ro cho doanh nghiệp hai nước [11]. Cụ thể, Việt Nam - Liên Bang Nga đã thúc đẩy tăng cường sử dụng kênh thanh toán song phương trực tiếp qua Ngân hàng liên doanh Việt Nam - Nga (VRB) và nội tệ VND - RUB [12].

4.2. Đầu tư song phương

Dòng vốn đầu tư của Liên Bang Nga tại Việt Nam cho thấy bức tranh mở rộng về quy mô dự án nhưng quy mô vốn bình quân trên mỗi dự án vẫn ở mức khiêm tốn. Tính đến 31/12/2024, Liên Bang Nga hiện có 201 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký lũy kế hơn 993 triệu USD, tập trung nhiều nhất vào khai khoáng (531,2 triệu USD), tiếp đến là dịch vụ lưu trú - ăn uống (194,2 triệu USD) và công nghiệp chế biến, chế tạo (194,1 triệu USD) [13]. Riêng trong năm 2024, dòng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn - mua cổ phần từ Nga đạt 18,175 triệu USD (Bảng 4).

Bảng 4. Tình hình đầu tư trực tiếp từ Liên Bang Nga sang Việt Nam (Đơn vị: triệu USD)

	Số dự án còn hiệu lực	Tổng vốn đăng ký
Cấp mới	17	3,377
Tăng vốn	4	5,896
Góp vốn, mua cổ phần	85	8,902
Tổng vốn 2024		18,175
Lũy kế đến 31/12/2024	201	993,552

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [13]

Về đầu tư của Việt Nam sang Nga, Việt Nam hiện có 16 dự án còn hiệu lực tại Nga với tổng vốn khoảng 1,625 tỷ USD [14]. Cơ cấu đầu tư tập trung vào khai khoáng (50,3%), công nghiệp (32,6%), bất động sản (14%). Điển hình là Siêu dự án Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tại Liên bang Nga của tập đoàn TH khi tiếp tục đầu tư phát triển trong giai đoạn này tại Volokolamsk - Moscow (2018), Viễn Đông (2024) và Kaluga (5/2025) [15], [16].

4.3. Du lịch

Du lịch được xem là lĩnh vực có nhiều biến động trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên Bang Nga, nhưng lại chứng kiến sự phục hồi nhanh chóng sau các cú sốc dịch bệnh và địa chính trị.

Bảng 5. Thống kê khách du lịch giữa Việt Nam và Liên bang Nga giai đoạn 2018 - 2025 (Đơn vị: Nghìn lượt)

Năm	Số lượt khách Liên Bang Nga đến VN	Số lượt khách VN đến Liên Bang Nga
2018	606,6	54
2019	646,5	59
2020	246,3	10
2023	125,6	20
2024	232,3	26
2025	689,7	28 (số liệu cập nhật đến 9/2025)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [17], [18]

Trước đại dịch, Nga là thị trường khách châu Âu lớn nhất của Việt Nam, đạt đỉnh 646,5 nghìn lượt năm 2019. Giai đoạn này cũng ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định ở chiều khách du lịch Việt Nam đến Nga (59 nghìn lượt năm 2018 - 2019).

Giai đoạn 2020 - 2021 chịu tác động nặng nề của COVID - 19, lượng khách Liên bang Nga đến Việt Nam giảm còn 246,3 nghìn lượt năm 2020 và gần như đóng băng sau đó. Tuy nhiên, từ năm 2023 trở đi, du lịch song phương phục hồi rõ rệt: năm 2025 bứt phá lên 689,7 nghìn lượt, tăng gần 197% so với 2024 và trở thành thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong số các nguồn khách quốc tế của Việt Nam. Kết quả ấn tượng này được xúc tiến bởi chính sách thị thực thuận lợi đối với công dân Nga và việc khôi phục các chuyến bay charter từ Moscow đến Cam Ranh và Phú Quốc, cùng các hoạt động xúc tiến văn hóa - du lịch song phương đã tạo nền tảng vững chắc cho dòng khách ổn định. Ngược lại theo thống kê của Nga, lượng khách Việt sang Nga phục hồi lên khoảng 26 nghìn lượt (2024) và 28 nghìn lượt trong 9 tháng 2025. Việt Nam nằm trong nhóm nước có tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến Nga nhanh nhất giai đoạn 2024 - 2025 với mức tăng 38,3% so với cùng kỳ năm ngoái [19]. Bên cạnh đó, ngày 10/5/2025, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và Bộ Phát triển Kinh tế Liên bang Nga đã ký Bản ghi nhớ về hợp tác du lịch giữa giai đoạn 2025 - 2030 [20]. Điều này cho thấy du lịch hai chiều đang dần trở lại quỹ đạo trước khủng hoảng và sẽ bứt phá trở thành kênh liên kết quan trọng trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên Bang Nga.

5. Đánh giá thực tiễn hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên Bang Nga giai đoạn 2018 - 2025

5.1. Thành tựu

Thứ nhất, duy trì được đà tăng trưởng và khả năng thích ứng cao trong thương mại song phương. Giai đoạn 2018 - 2021 ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, với kim ngạch đạt đỉnh 5,54 tỷ USD năm 2021 [9], [10]. Mặc dù chịu tác động nghiêm trọng từ xung đột Nga - Ukraine và các lệnh trừng phạt từ năm 2022, thương mại hai chiều không rơi vào trạng thái đứt gãy kéo dài mà nhanh chóng phục hồi từ 2023 - 2025, đạt 4,77 tỷ USD năm 2025 [9], [10]. Điều này phản ánh tính bổ sung tương đối ổn định giữa hai nền kinh tế và hiệu quả thực thi VN - EAEU FTA. Đáng chú ý, hai bên đã chủ động điều chỉnh phương thức thanh toán thông qua Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), mở rộng sử dụng đồng nội tệ VND - RUB và đa dạng hóa tuyến vận tải qua Trung Á, Viễn Đông. Đây là bước thích ứng quan trọng trong bối cảnh Nga bị loại khỏi hệ thống SWIFT, góp phần giảm thiểu rủi ro tài chính cho doanh nghiệp hai nước.

Thứ hai, cơ cấu hàng hóa thương mại ngày càng thể hiện rõ tính bổ sung và nâng cấp giá trị. Ở chiều Nga xuất khẩu sang Việt Nam, các mặt hàng năng lượng, nguyên liệu đầu vào như than, phân bón, lúa mì, sắt thép tiếp tục đóng vai trò chiến lược, hỗ trợ ổn định sản xuất công nghiệp và nông nghiệp Việt Nam. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu của Việt Nam sang Nga có sự chuyển dịch rõ rệt sang nhóm hàng công nghiệp chế biến - công nghệ cao như điện thoại, linh kiện điện tử, máy vi tính, bên cạnh các mặt hàng truyền

thống như dệt may, cà phê, thủy sản. Xu hướng này phản ánh sự nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị và giảm dần phụ thuộc vào xuất khẩu nguyên liệu thô.

Thứ ba, hợp tác đầu tư được duy trì ổn định và có những dự án mang tính biểu tượng. Tính đến cuối năm 2024, Nga có 201 dự án còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký gần 1 tỷ USD, trải rộng trên 20 địa phương và 15/21 ngành kinh tế [13]. Dù quy mô vốn bình quân còn khiêm tốn, sự hiện diện tương đối rộng cho thấy tính đa dạng của hợp tác. Ở chiều ngược lại, Việt Nam có 16 dự án tại Nga với tổng vốn khoảng 1,625 tỷ USD - đứng thứ 4/81 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư từ Việt Nam [14]. Đáng chú ý là dự án Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa của Tập đoàn TH tại Nga, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đã mạnh dạn đầu tư quy mô lớn vào thị trường Nga, góp phần nâng tầm hợp tác từ thương mại sang sản xuất - chế biến sâu.

Thứ tư, du lịch hai chiều phục hồi mạnh và trở thành điểm sáng nổi bật. Sau giai đoạn suy giảm sâu do đại dịch, năm 2025 đánh dấu bước bứt phá khi Việt Nam đón 689,7 nghìn lượt khách Nga - vượt mức kỷ lục trước đại dịch năm 2019 và trở thành thị trường tăng trưởng nhanh nhất của du lịch Việt Nam [17], [18]. Nga tiếp tục là thị trường khách châu Âu lớn nhất của Việt Nam, tập trung tại Khánh Hòa, Bình Thuận và Phú Quốc. Ở chiều ngược lại, lượng khách Việt Nam đến Nga cũng phục hồi, đạt 28 nghìn lượt trong 9 tháng năm 2025 [17]. Theo số liệu từ Rosstat, Việt Nam nằm trong nhóm thị trường có tốc độ tăng trưởng khách đến Nga cao nhất năm 2025 [19]. Việc hai bên ký Bản ghi nhớ hợp tác du lịch giai đoạn 2025 - 2030 cho thấy quyết tâm thể chế hóa và phát triển bền vững dòng khách hai chiều.

Thứ năm, khuôn khổ chính trị - pháp lý tiếp tục được củng cố. Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Nga duy trì nền tảng chính trị tin cậy cao, tạo “điểm tựa” cho hợp tác kinh tế trong bối cảnh quốc tế biến động. Các chuyến thăm cấp cao, cơ chế Ủy ban liên Chính phủ và diễn đàn doanh nghiệp được duy trì thường xuyên, góp phần tháo gỡ khó khăn và định hướng hợp tác trong điều kiện mới.

5.2. Hạn chế

Thứ nhất, quy mô hợp tác kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và quan hệ chính trị. Dù đạt nhiều kết quả tích cực, kim ngạch thương mại song phương vẫn dao động ở mức 4 - 5 tỷ USD/năm - con số khiêm tốn so với tiềm năng của hai nền kinh tế và so với quy mô thương mại của Việt Nam với các đối tác lớn khác. Tỷ trọng thương mại Nga trong tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam còn thấp.

Thứ hai, hợp tác chịu tác động mạnh từ yếu tố địa - chính trị và trừng phạt quốc tế. Biến động từ năm 2022 cho thấy mức độ nhạy cảm của quan hệ kinh tế song phương trước môi trường bên ngoài. Các rào cản về thanh toán quốc tế, bảo hiểm vận tải, logistics, biến động tỷ giá và chi phí trung gian làm gia tăng rủi ro cho doanh nghiệp. Việc Nga bị loại khỏi SWIFT buộc hai bên phải tìm kiếm cơ chế thay thế, nhưng hệ thống thanh toán song phương vẫn chưa thực sự thông suốt và ổn định dài hạn.

Thứ ba, cơ cấu thương mại còn thiếu đa dạng và phụ thuộc vào một số nhóm hàng chủ lực. Xuất khẩu của Việt Nam sang Nga vẫn tập trung vào các ngành như điện thoại,

dệt may, nông sản; trong khi Nga chủ yếu cung cấp năng lượng và nguyên liệu thô. Sự phụ thuộc này khiến quan hệ thương mại dễ bị tổn thương trước biến động giá cả và nhu cầu toàn cầu.

Thứ tư, hiệu quả và quy mô đầu tư trực tiếp hạn chế. Dù số dự án của Nga tại Việt Nam tương đối nhiều, tổng vốn đăng ký chưa đạt mức tương xứng với tiềm năng. Đầu tư của Việt Nam tại Nga tập trung vào một số dự án lớn, chưa hình thành làn sóng đầu tư đa dạng từ nhiều doanh nghiệp. Ngoài ra, môi trường pháp lý, khác biệt tiêu chuẩn kỹ thuật và khoảng cách địa lý vẫn là rào cản đáng kể.

Thứ năm, kết nối hạ tầng và logistics chưa thực sự đồng bộ. Khoảng cách địa lý xa, thiếu tuyến vận tải trực tiếp ổn định và chi phí logistics cao làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa hai bên. Các tuyến vận tải thay thế qua Trung Á và Viễn Đông tuy đã được mở rộng nhưng vẫn trong quá trình hoàn thiện.

6. Dự báo triển vọng và đề xuất giải pháp

Giai đoạn 2026 - 2030, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên bang Nga được dự báo phát triển trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tái cấu trúc, cạnh tranh chiến lược gia tăng và xu hướng đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng ngày càng rõ nét. Trên nền tảng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện được củng cố, hợp tác song phương chuyển từ phục hồi sau khủng hoảng sang tái cơ cấu theo chiều sâu và bền vững hơn. Thương mại song phương có khả năng tăng trưởng ổn định nhưng mang tính chọn lọc do quy mô còn khiêm tốn và phụ thuộc vào một số nhóm hàng chủ lực. Tăng trưởng trung hạn sẽ dựa trên tính bổ sung giữa hai nền kinh tế, song chịu tác động lớn từ khả năng duy trì kênh thanh toán thay thế, giảm chi phí logistics và hiệu quả tận dụng VN - EAEU FTA. Xu hướng “Hướng Đông” của Nga tạo điều kiện để Việt Nam trở thành cầu nối quan trọng trong chiến lược mở rộng quan hệ với khu vực ASEAN.

Năng lượng tiếp tục là trụ cột chiến lược, với triển vọng mở rộng hợp tác trong dầu khí, khí tự nhiên hóa lỏng và điện hạt nhân dân dụng, đồng thời thúc đẩy đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ. Hợp tác năng lượng được kỳ vọng mở rộng từ khai thác tài nguyên sang phát triển chuỗi giá trị công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật. Đầu tư song phương có xu hướng chuyển từ mở rộng số lượng sang nâng cao chất lượng, tập trung vào công nghiệp chế biến, năng lượng, hạ tầng và công nghệ cao, dù vẫn đối mặt với rủi ro tỷ giá, pháp lý và chi phí vận tải. Bên cạnh đó, kinh tế số và hợp tác tài chính - thanh toán nổi lên như động lực tăng trưởng mới thông qua thanh toán nội tệ và các cơ chế thay thế SWIFT, mở rộng sang thương mại điện tử, fintech và chuyển đổi số. Du lịch, giáo dục và giao lưu nhân lực tiếp tục đóng vai trò cầu nối xã hội quan trọng, góp phần củng cố nền tảng hợp tác dài hạn. Tuy nhiên, triển vọng hợp tác vẫn chịu ảnh hưởng của trừng phạt quốc tế, rủi ro thanh toán, biến động tỷ giá và xu hướng phân mảnh của thương mại toàn cầu.

Để hiện thực hóa triển vọng hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga giai đoạn 2026 - 2030, các chính sách cần vừa khắc phục những hạn chế tồn tại, vừa nâng cao hiệu quả các cơ chế hợp tác đã phát huy tác dụng. Trước hết, cần hoàn thiện thể chế và cơ chế điều phối thông qua rà

soát, cập nhật các hiệp định về đầu tư, thanh toán và bảo hộ doanh nghiệp, đồng thời nâng cao vai trò thực chất của Ủy ban liên Chính phủ nhằm xử lý kịp thời vướng mắc cho doanh nghiệp. Về tài chính - thanh toán, hai nước cần xây dựng cấu trúc tài chính song phương ổn định dài hạn bằng cách mở rộng thanh toán nội tệ, thiết lập cơ chế hoán đổi tiền tệ và tăng cường bảo lãnh tín dụng, qua đó giảm phụ thuộc vào hệ thống trung gian quốc tế và hạn chế rủi ro tỷ giá. Trong lĩnh vực logistics, việc phát triển các hành lang vận tải ổn định, tăng cường kết nối qua các khu vực trung chuyển và xây dựng trung tâm logistics chuyên biệt sẽ góp phần giảm chi phí vận chuyển và nâng cao vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực.

Bên cạnh đó, cơ cấu thương mại và công nghiệp cần được điều chỉnh theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng, mở rộng hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp chế biến và chuyển giao công nghệ. Hoạt động đầu tư cũng cần chuyên trọng tâm sang chất lượng và hiệu ứng lan tỏa, ưu tiên các dự án liên doanh quy mô lớn và liên kết chuỗi giá trị. Đồng thời, việc thúc đẩy du lịch, giáo dục - đào tạo và giao lưu nhân lực sẽ góp phần củng cố nền tảng xã hội, tăng cường lòng tin và bảo đảm tính bền vững lâu dài của quan hệ kinh tế song phương.

7. Kết luận

Hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga giai đoạn 2018 - 2025 đạt nhiều kết quả tích cực, thể hiện khả năng thích ứng trước biến động địa chính trị, đại dịch và trừng phạt quốc tế. Kim ngạch thương mại tăng từ 3,55 tỷ USD (2022) lên 4,77 tỷ USD (2025), cơ cấu hàng hóa chuyển dịch theo hướng gia tăng giá trị. Đầu tư song phương duy trì ổn định, du lịch phục hồi mạnh và hai bên ký Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2025 - 2030. Tuy nhiên, quy mô thương mại còn hạn chế, chịu tác động của trừng phạt và gián đoạn thanh toán quốc tế như SWIFT; cơ cấu hàng hóa thiếu đa dạng, hiệu ứng lan tỏa đầu tư thấp và hạ tầng logistics còn yếu, làm giảm hiệu quả khuôn khổ Đối tác chiến lược toàn diện. Giai đoạn 2026 - 2030, kim ngạch song phương được kỳ vọng đạt 10 tỷ USD nhờ chính sách "Hướng Đông" của Nga và việc tận dụng VN - EAEU FTA. Ưu tiên hợp tác gồm năng lượng xanh, công nghiệp 4.0 và kinh tế số, với trọng tâm là thanh toán nội tệ, đa dạng hóa logistics, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ SMEs và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tóm lại, quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga đang chuyển từ nền tảng hữu nghị truyền thống sang trụ cột hợp tác chiến lược, hướng tới phát triển bình đẳng và bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H. M. Huong and D. A. Tuan, "Seventy - five Years of Vietnam - Russia Relations: Traditional Cooperation, Friendship, and Development", *tapchiconsan.org.vn*, January 14, 2025. [Online]. Available: https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/bay-muoi-lam-nam-quan-he-viet-nam-nga-hop-tac-truyen-thong-huu-nghi-phat-trien [Accessed January 24, 2026].
- [2] L. Q. Nga, "Major Milestones in the Traditional Friendship Relations between Vietnam and Russia", in *National scientific conference-Teaching, learning, and researching Russian in Vietnam in the new era*, Vietnam National University, Hanoi, 2015, pp. 403-409.
- [3] Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam and Ministry of Foreign Affairs of the Union of Soviet Socialist Republics, *Vietnam - Soviet Union: 30 Years of Relations (1950-1980)*. Hanoi, Vietnam: Foreign Affairs Publishing House, 1983.
- [4] N. T. H. Van, *Vietnam - Soviet Union Relations (1917-1991): Historical Events*. Hanoi, Vietnam: Encyclopedia Publishing House, 2010.
- [5] D. Phong, *Economic History of Vietnam, 1945-2000, vol. II: 1955-1975*. Hanoi, Vietnam: Social Sciences Publishing House, 2005, p. 482.
- [6] D. H. Vu and H. G. Nguyen, *Russia-Vietnam Strategic Cooperation: Perspectives, Current Situation and Prospects*. Hanoi, Vietnam: National Political Publishing House, 2008.
- [7] B. T. Huyen, "Russia's 'Pivot to Asia' Strategy and Vietnam - Russian Economic Relations in the Early 21st Century", *Journal of Social Sciences*, vol. 12 no. 256, pp. 56-67, 2019.
- [8] B. T. Huyen, "Some Features of the Economic Cooperation between Vietnam and Russia in the Period 2001-2017," *Dalat University Journal of Science*, vol. 11, no. 3, pp. 146-158, 2021, doi: 10.37569/DalatUniversity.11.3.870(2021).
- [9] General Statistics Office of Vietnam, "Exports and Imports", *www.nso.gov.vn*, 2025. [Online]. Available: <https://www.nso.gov.vn/xuat-nhap-khau/> [Accessed February 1, 2026].
- [10] General Department of Vietnam Customs, "Statistical Data (From 2009 to Present)", *customs.gov.vn*, 2025. [Online]. Available: <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=4901&group> [Accessed: January 30, 2026].
- [11] VietnamPlus, "Vietnam Likely Impacted by Russia's Disconnect from SWIFT", *wto-center.vn*, March 3, 2022. [Online]. Available: <https://wto-center.vn/chuyen-de/19223-vietnam-likely-impacted-by-russias-disconnect-from-swift> [Accessed: February 2, 2026].
- [12] S. Hoang, "Vietnam - Russia Joint Bank Proposes Multiple Measures to Support Business Community", *vneconomy.vn*, April 16, 2024. [Online]. Available: <https://vneconomy.vn/ngan-hang-viet-nga-de-xuat-nhieu-bien-phap-go-kho-cho-cong-dong-doanh-nghiep.htm> [Accessed: February 3, 2026].
- [13] Ministry of Planning and Investment of Vietnam, "Situation of Foreign Direct Investment Attraction in Vietnam", *mpi.gov.vn*, Jan. 6, 2025. [Online]. Available: <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2025-1-6/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-Viet-Nam-v5506hz.aspx> [Accessed: February 1, 2026].
- [14] Government, "Russia Stops Being One of the Top 81 Countries Where Vietnam Invests Abroad", *baochinhphu.vn*, October 22, 2024. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/nga-dung-thu-4-81-quoc-gia-ma-viet-nam-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-102241022154912175.htm> [Accessed: February 4, 2026].
- [15] T. Anh, "TH True Milk Officially Begins Operation of Fresh Milk Factory in the Russian Federation", *baochinhphu.vn*, May 12, 2025. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/th-true-milk-chinh-thuc-van-hanh-nha-may-sua-tuoi-tai-lien-bang-nga-102250511210857384.htm> [Accessed: February 5, 2026].
- [16] N. Tan, "TH Group Starts Construction of Dairy Project in the Russian Far East", *baochinhphu.vn*, May 22, 2024. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/tap-dan-th-khoi-cong-du-an-sua-tai-vien-dong-lien-bang-nga-102240522170921131.htm> [Accessed: February 5, 2026].
- [17] Federal State Statistics Service, "Tourism", *Rosstat.gov.ru*, 2025. [Online]. Available: <https://www.rosstat.gov.ru/statistics/turizm> [Accessed: February 7, 2026].
- [18] General Statistics Office of Vietnam, "Trade and Prices (V1005)", *nso.gov.vn*, 2025. [Online]. Available: <https://www.nso.gov.vn/thuong-mai-dich-vu/> [Accessed: February 9, 2026].
- [19] TASS, "The largest increase in tourist flow to Russia occurred in January - September from Vietnam and India", *tass.ru*, December 3, 2025. [Online]. Available: <https://tass.ru/ekonomika/2580807> [Accessed: February 10, 2026].
- [20] Vietnam National Administration of Tourism, "Vietnam - Russian Federation Sign Tourism Cooperation Agreement for 2025-2030", *vietnamtourism.gov.vn*, May 23, 2025. [Online]. Available: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/63014> [Accessed: February 10, 2026].